

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **636/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27 – 5 - 2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

2. Ông **Huỳnh Văn Sơn**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hà Kim Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Phùng Thị Ngọc Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 558/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Tuyết M**, sinh năm 1986. (vắng mặt).

Địa chỉ: 45/6A Ấp 2, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: 45/6A Ấp 2, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết M trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh D đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang năm 2006.

Vợ chồng có thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nguyễn Thanh D có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên ăn nhậu, không trách nhiệm với vợ con và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh

phúc, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn, do đó bà Phạm Thị Tuyết M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh D có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/9/2007. Sau ly hôn, bà Phạm Thị Tuyết M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Thanh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết M có mặt theo triệu tập của Tòa án, ông Nguyễn Thanh D vắng mặt không lý do và bà Phạm Thị Tuyết M có đơn yêu cầu không tiếp tục tổ chức hòa giải nên vụ kiện không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh D là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn cư trú tại xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết và tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Thanh D vắng mặt không lý do và bà Phạm Thị Tuyết M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh D tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 088 Quyền số 02/2006 do Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/10/2006, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa

trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định của pháp luật.

[5] Theo đơn khởi kiện bà Phạm Thị Tuyết M xác định đời sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Nguyễn Thanh D có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên ăn nhậu, không trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2012 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân.

[6] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

[7] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, vợ chồng bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh D đã trải qua thời gian dài không chung sống với nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, quan tâm đến nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng của mình dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh D có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/9/2007 đang được bà Phạm Thị Tuyết M chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Tuyết M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Thanh D cấp dưỡng nuôi con; tại bản tự khai của cháu Nguyễn Duy K có nguyện vọng tiếp tục được bà Phạm Thị Tuyết M chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ đó, cần giao cháu Nguyễn Duy K cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Duy K và quy định của pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa đặt ra xem xét.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị Tuyết M đối với ông Nguyễn Thanh D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Tuyết M được ly hôn với ông Nguyễn Thanh D.

3. Về con chung: Bà Phạm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh D có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 26/9/2007. Giao cháu Nguyễn Duy K cho bà Phạm Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Thanh D cho đến khi bà Phạm Thị Tuyết M có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 26/5/2021, bà Phạm Thị Tuyết M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0075187 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Liên Quân